

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 165/2022/TLST-HNGĐ

Ngày: 16-9-2022

V/v Ly hôn, con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về Vệc ly hôn, nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2022/QĐHPT ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1989; Địa chỉ: 32 L, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tường V và anh Nguyễn Minh B tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/11/2008.

Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn mười năm nay. Mặc dù đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên chị V có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

Về con chung: Chị V và anh B có 01 con chung: Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/2/2010, từ khi vợ chồng sống ly thân anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N nên chị V đồng ý giao con chung cho anh B nuôi dưỡng và tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không lý do nên không lấy được lời khai của anh B và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 71, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tường V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tường V được ly hôn anh Nguyễn Minh B.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/02/2010 cho anh Nguyễn Minh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Tường V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Nguyễn Minh B cư trú tại Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tường V xin ly hôn anh Nguyễn Minh B. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V, anh B tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/11/2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự, theo chị V trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn mười năm nay. Mặc dù đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình vợ chồng anh B, chị V chung sống tại địa phương thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, còn nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Cha đẻ anh Nguyễn Minh B là ông Nguyễn B xác định sau khi kết hôn vợ chồng anh B chị V có chung sống cùng gia đình ông tại phường T, năm 2015 ông bán căn nhà trên thì vợ chồng chị V, anh B về sống với di ruột bà V tại 57 đường T, phường T, thành phố B, đến năm 2018 vợ chồng chị V, anh B sống ly thân thì anh B và cháu N về sống với gia đình ông, vợ chồng anh B chị V xảy ra mâu thuẫn và từng làm đơn xin ly hôn từ năm 2015 và đã được địa phương hòa giải nhưng không thành, nay chị V làm đơn xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết vì anh B chị V không có khả năng đoàn tụ, anh B làm nghề lái xe nên thường xuyên đi vắng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị V, anh B đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V xin ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

-Về con chung: Chị V và anh B có 01 con chung: Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/02/2010, từ khi anh B, chị V sống ly thân con chung do anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên chị V có nguyện vọng giao con chung cho anh B nuôi dưỡng và tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, để ổn định cuộc sống của con chung, đảm bảo sự phát triển, nuôi dưỡng cháu về thể chất và tinh thần nên giao cháu N cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tường V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tường V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về Việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Phạm B Vũ đã nộp thay chị V theo biên lai thu số AA/2021/0019776 ngày 30/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 71, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tường V.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tường V được ly hôn anh Nguyễn Minh B.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày 07/02/2010 cho anh Nguyễn Minh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Tường V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tường V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí : Chị Nguyễn Thị Tường V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về Việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Phạm B V đã nộp thay chị V theo biên lai thu số AA/2021/0019776 ngày 30/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. B;
- UBND p. T;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt